

QUYẾT ĐỊNH

V/v tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết số 44/2024/NQ-HĐND ngày 20/12/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nội dung chi, mức chi tổ chức tuyển dụng công chức, viên chức; thi (xét) nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức trên địa bàn tỉnh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức;

Căn cứ Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố;

Căn cứ Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Nghị định số 116/2024/NĐ-CP ngày 17 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2020 quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức và Nghị định số 06/2023/NĐ-CP ngày 21 tháng 02 năm 2023 quy định về kiểm định chất lượng đầu vào công chức;

Căn cứ Thông tư số 06/2020/TT-BNV ngày 02 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; nội quy thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức;

Căn cứ Nghị quyết số 44/2024/NQ-HĐND ngày 20 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai quy định nội dung chi, mức chi tổ chức tuyển dụng công chức, viên chức; thi (xét) nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 5863/TTr-SNV ngày 31 tháng 12 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Triển khai thực hiện Nghị quyết số 44/2024/NQ-HĐND ngày 20 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nội dung chi, mức chi tổ chức tuyển dụng công chức, viên chức; thi (xét) nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức trên địa bàn tỉnh Đồng Nai (đính kèm theo Nghị quyết).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nội vụ có trách nhiệm theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 44/2024/NQ-HĐND trên địa bàn tỉnh; tổng hợp, báo cáo, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, xử lý các khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Sở Tài chính có trách nhiệm báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh bố trí kinh phí, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị thực hiện thanh, quyết toán kinh phí theo quy định.

3. Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đơn vị sự nghiệp, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Biên Hòa và thành phố Long Khánh có trách nhiệm:

a) Triển khai Nghị quyết số 44/2024/NQ-HĐND và tổ chức thực hiện đảm bảo đúng quy định.

b) Báo cáo kết quả thực hiện về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ), trường hợp khó khăn, vướng mắc kịp thời báo cáo về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ) để tổng hợp chỉ đạo xử lý.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Nội vụ, Tài chính; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ban Thường trực UBMTTQVN tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Chánh, các Phó CVP UBND tỉnh;
- Lưu VT, KTNS, KGVX (MPhi25).



Võ Tấn Đức

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 44/2024/NQ-HĐND

Đồng Nai, ngày 20 tháng 12 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

**Quy định nội dung chi, mức chi tổ chức tuyển dụng công chức, viên chức;
thi (xét) nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp
viên chức trên địa bàn tỉnh Đồng Nai**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI
KHÓA X KỲ HỌP THỨ 23**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;
Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008;
Căn cứ Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm
2015;
Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và
Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy
phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;
Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;
Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của
Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;
Căn cứ Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2020 của
Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức;
Căn cứ Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10 tháng 6 năm 2023 của
Chính phủ quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không
chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố;
Căn cứ Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07 tháng 12 năm 2023 của
Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP
ngày 25 tháng 9 năm 2020 về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Nghị định số 116/2024/NĐ-CP ngày 17 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2020 quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức và Nghị định số 06/2023/NĐ-CP ngày 21 tháng 02 năm 2023 quy định về kiểm định chất lượng đầu vào công chức;

Căn cứ Thông tư số 06/2020/TT-BNV ngày 02 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; nội quy thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức;

Xét Tờ trình số 211/TTr-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết quy định nội dung chi, mức chi tổ chức tuyển dụng công chức, viên chức; thi (xét) nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; Báo cáo thẩm tra số 873 /BC-BPC ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này Quy định nội dung chi, mức chi tổ chức tuyển dụng công chức, viên chức; thi (xét) nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai (cấp xã, huyện, tỉnh); các cơ quan Đảng, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội (bao gồm: Kỳ thi tuyển dụng công chức, xét tuyển công chức, tiếp nhận vào công chức thông qua Hội đồng kiểm tra, sát hạch; Kỳ thi tuyển dụng viên chức, xét tuyển viên chức, tiếp nhận vào viên chức thông qua Hội đồng kiểm tra, sát hạch; Kỳ thi nâng ngạch công chức, xét nâng ngạch công chức; Kỳ thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức, xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động được triệu tập, trưng tập tham gia thực hiện nhiệm vụ tổ chức tuyển dụng công chức, viên chức; thi (xét) nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức.

2. Các tổ chức, đơn vị và cá nhân khác có liên quan đến thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tuyển dụng công chức, viên chức; nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức.

Điều 3. Nguyên tắc áp dụng

1. Trường hợp một đối tượng đảm nhiệm nhiều nhiệm vụ trong cùng một thời điểm của kỳ tuyển dụng, nâng ngạch, thăng hạng thì được hưởng 01 mức chi cao nhất.

2. Đối tượng và thời gian được hưởng mức chi tại Nghị quyết này được cấp có thẩm quyền quy định tại Thông tư số 06/2020/TT-BNV ngày 02 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; nội quy thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức.

3. Đối với các nội dung chi và mức chi phát sinh theo thực tế liên quan đến công tác tổ chức tuyển dụng công chức, viên chức, thi (xét) nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức trên nhưng chưa được quy định tại Nghị quyết này thì các cơ quan đơn vị căn cứ quy định về nội dung chi và mức chi tại các văn bản quy phạm pháp luật của Trung ương và của tỉnh để thực hiện cho phù hợp.

4. Trong quá trình thực hiện, trường hợp Trung ương ban hành văn bản quy định về mức chi cho công tác tổ chức tuyển dụng công chức, viên chức; thi (xét) nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức thì thực hiện theo quy định của Trung ương.

5. Các khoản chi ngoài lương cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động được triệu tập, trung tập tham gia thực hiện nhiệm vụ tổ chức tuyển dụng công chức, viên chức; thi (xét) nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước quy định tại Nghị quyết này được áp dụng cho đến khi thực hiện cải cách tiền lương theo Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 21 tháng 5 năm 2018 của Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về cải cách chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong doanh nghiệp, Kết luận số 83-KL/TW ngày 21 tháng 6 năm 2024 của Bộ Chính trị về cải cách tiền lương; điều chỉnh lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội, trợ cấp ưu đãi người có công và trợ cấp xã hội từ ngày 01 tháng 7 năm 2024.

Điều 4. Nội dung chi, mức chi và nguồn kinh phí thực hiện

1. Nội dung chi, mức chi theo Phụ lục kèm theo Nghị quyết này.
2. Nguồn kinh phí thực hiện
 - a) Nguồn kinh phí thực hiện từ nguồn ngân sách nhà nước đảm bảo theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành.
 - b) Các nguồn thu khác theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này và báo cáo kết quả thực hiện tại các kỳ họp thường lệ của Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này theo quy định.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức thành viên giám sát và vận động Nhân dân cùng tham gia giám sát việc thực hiện Nghị quyết này; phản ánh kịp thời tâm tư, nguyện vọng và kiến nghị của Nhân dân đến các cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai Khóa X Kỳ họp thứ 23 thông qua ngày 20 tháng 12 năm 2024 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2025.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Chính phủ (A + B);
- Vụ pháp chế: Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;
- Cục Kiểm tra VB.QPPL - Bộ Tư pháp;
- Đồng chí Bí thư Tỉnh ủy;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh và các đoàn thể;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- VKSND, TAND, CTHADS tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Thường trực Huyện ủy, Thành ủy và HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- UBMTTQ Việt Nam các huyện, thành phố;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Báo Đồng Nai, Đài PT-TH Đồng Nai;
- Lưu: VT, Phòng CTHĐND.

CHỦ TỊCH



Thái Bảo



Phụ lục

NỘI DUNG CHI, MỨC CHI TỔ CHỨC TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC; THI (XÉT) NÂNG NGẠCH CÔNG CHỨC, THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VIÊN CHỨC TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG NAI

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 44/2024/NQ-HĐND ngày 20 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai)

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi (đơn vị tính: đồng)
I	Các nội dung chi theo thực tế		
1	Thuê địa điểm làm việc cho Hội đồng; thuê địa điểm tổ chức ôn tập, tổ chức thi/xét		Chi theo thực tế (cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ chủ trì thực hiện các nhiệm vụ tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật có liên quan về mua sắm, đấu thầu để tổ chức thực hiện; khi thanh toán phải có đầy đủ chứng từ, hóa đơn theo quy định. Trong trường hợp sử dụng cơ sở vật chất của các cơ quan, đơn vị khác (địa điểm, thiết bị, dụng cụ) để thực hiện nhưng vẫn phải thanh toán các khoản chi phí về điện, nước, vệ sinh, an ninh, phục vụ, thì chứng từ thanh toán là bản hợp đồng và thanh lý hợp đồng công việc giữa hai bên kèm theo phiếu thu của cơ quan, đơn vị cho mượn cơ sở vật chất; bên cho mượn cơ sở vật chất hạch toán khoản thu này để giảm chi kinh phí hoạt động của đơn vị và được vận dụng khi thuê đơn vị thực hiện các nội dung của công tác tuyển dụng công chức, viên chức; thi (xét) nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức)
2	Thuê xây dựng đề thi/xét, in sao đề thi; chấm thi, chấm phúc khảo		
3	Thuê, mua, vận chuyển, lắp đặt, gia công, kiểm tra các dụng cụ, nguyên vật liệu, vật tư, văn phòng phẩm, in ấn tài liệu, thẻ phục vụ công tác tổ chức thi/xét		
4	Các khoản chi khác để phục vụ cho công tác phục vụ tổ chức, hoạt động của Hội đồng và các bộ phận giúp việc của Hội đồng		
4.1	Thẩm định giá		
4.2	Đăng tin trên các phương tiện thông tin đại chúng		
4.3	Nhận, trả đề thi, đề dự phòng		
4.4	Các nội dung chi khác phát sinh theo thực tế để phục vụ tổ chức, hoạt động của Hội đồng và các bộ phận giúp việc theo Khoản 3 Điều 3 Nghị quyết này		
II	Các nội dung chi theo mức chi		
1	Chi cho các thành viên (theo quyết định, văn bản của cấp có thẩm quyền) tham gia họp để thống nhất các nội dung liên quan đến việc chuẩn bị kỳ thi/xét/kiểm tra, sát	người/buổi	100.000

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi (đơn vị tính: đồng)
	hạch và tổ chức kỳ thi/xét/kiểm tra, sát hạch như: Kế hoạch tổ chức; thống nhất danh sách đủ điều kiện; thống nhất danh sách trúng tuyển và các nội dung phát sinh khác		
2	Chi cho các chức danh là thành viên Hội đồng, ban Chỉ đạo, Ban Giám sát kỳ thi/xét/kiểm tra, sát hạch, giám sát của Bộ, ngành Trung ương (theo quyết định, văn bản của cấp có thẩm quyền)		
2.1	Chủ tịch, Trưởng ban	người/ngày	445.000
2.2	Phó Chủ tịch, Phó Trưởng ban	người/ngày	390.000
2.3	Ủy viên, thư ký, thành viên của Hội đồng, Ban Chỉ đạo, Ban Giám sát	người/ngày	360.000
3	Chi cho các chức danh là thành viên các Bộ phận Giúp việc của Hội đồng (theo quyết định, văn bản của cấp có thẩm quyền): - Ban đề thi, Ban chấm thi, Ban chấm phúc khảo (trường hợp tự thực hiện, không thuê đơn vị khác thực hiện). - Ban phách, Ban coi thi, Ban Kiểm tra Phiếu đăng ký dự tuyển, Ban Kiểm tra, sát hạch, Ban Thẩm định hồ sơ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, Tổ in sao đề thi, Tổ thư ký giúp việc trong thời gian thực tế thực hiện nhiệm vụ.		
3.1	Trưởng ban, Tổ trưởng	người/ngày	445.000
3.2	Phó Trưởng ban, Tổ phó	người/ngày	390.000
3.3	Thành viên các Ban, các tổ, Thư ký giúp việc của Hội đồng	người/ngày	360.000
4	Chi cho các thành viên (theo quyết		

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi (đơn vị tính: đồng)
	định, văn bản của cấp có thẩm quyền) tham gia phục vụ tổ chức kỳ thi/xét, sát hạch; cách ly xây dựng đề thi/xét, chấm thi (trường hợp tự thực hiện, không thuê đơn vị khác thực hiện)		
4.1	Nhân viên kỹ thuật, công chức được trưng tập, công an, y tế, bảo vệ làm việc khu cách ly	người/ngày	220.000
4.2	Nhân viên phục vụ, vệ sinh, bảo vệ làm việc vòng ngoài, lái xe, bộ phận chuyển đề và các nội dung khác phục vụ kỳ thi	người/ngày	200.000
5	Chi tiền ăn, giải khát giữa giờ cho thành viên Hội đồng, các Bộ phận giúp việc của Hội đồng (theo quyết định, văn bản của cấp có thẩm quyền) trong thời gian cách ly, tổ chức kỳ thi/xét, sát hạch và chấm thi		
5.1	Chi tiền ăn, giải khát giữa giờ cho thành viên Ban Đề thi và các thành viên tham gia trong thời gian thực tế cách ly ra đề thi (trường hợp tự thực hiện, không thuê đơn vị khác thực hiện)	người/ngày	300.000
5.2	Chi tiền ăn, giải khát giữa giờ cho thành viên Hội đồng/Ban Chỉ đạo/Ban Giám sát, Tổ in sao trong thời gian thực tế cách ly in sao đề thi	người/ngày	300.000
5.3	Chi tiền ăn, tiền giải khát giữa giờ cho thành viên của Ban Chấm thi, Ban Chấm phúc khảo (trường hợp tự thực hiện, không thuê đơn vị khác thực hiện)	người/ngày	300.000
5.4	Chi tiền ăn, tiền giải khát giữa giờ cho thành viên Hội đồng, Ban Chỉ đạo, Ban Giám sát, các Bộ phận	người/ngày	300.000

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi (đơn vị tính: đồng)
	giúp việc của Hội đồng trong thời gian thời gian tổ chức kỳ thi/xét, sát hạch, chấm thi		
6	Chi khi tự thực hiện xây dựng đề thi/xét/kiểm tra, sát hạch		
6.1	Chi xây dựng đề thi và đáp án (đối với thi tự luận, thi thực hành)	đề	1.500.000
6.2	Xây dựng đề thi và đáp án (đối với thi trắc nghiệm, phỏng vấn)		
a	Tiền công soạn thảo câu hỏi thô kèm đáp án	câu	60.000
b	Tiền công chọn lọc, thẩm định và biên tập câu hỏi	câu	50.000
c	Chỉnh sửa lại các câu hỏi sau khi thử nghiệm đề thi	câu	30.000
d	Lựa chọn và nhập các câu hỏi vào ngân hàng câu hỏi thi theo hướng dẫn chuẩn hóa	câu	10.000
7	Tiền công cho cán bộ phụ trách tập huấn, hướng dẫn ôn tập cho thí sinh; tiền công biên soạn và giảng dạy lý thuyết, thực hành (trường hợp tự thực hiện, không thuê đơn vị khác thực hiện).	người/ngày	800.000